

Số: /KH-UBND

Giồng Riềng, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số trên địa bàn xã Giồng Riềng năm 2026

Căn cứ Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026;

Thực hiện Công văn số 236/SKHCN-CDS ngày 13/01/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số của cơ quan, địa phương năm 2026.

Ủy ban nhân dân (UBND) xã Giồng Riềng ban hành Kế hoạch chuyển đổi số trên địa bàn xã năm 2026, với các nội dung như sau:

PHẦN I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NĂM 2025

Kế hoạch triển khai nhiệm vụ về Chuyển đổi số xã Giồng Riềng năm 2025 (Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 23/9/2025 chuyển đổi số trên địa bàn xã):

Kế hoạch đã đề ra 55 mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể, với 09 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, tập trung 3 trụ cột chính về phát triển chính quyền số, phát triển kinh tế số, phát triển xã hội số và đạt được một số kết quả nhất định.

(Chi tiết tại mục II, Phụ lục I kèm theo)

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ

(Chi tiết tại mục I, Phụ lục I kèm theo)

PHẦN II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2026

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

- Quyết định số 1437/QĐ-TTg ngày 20/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về phát triển kinh tế số giai đoạn 2024 – 2025;

- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

- Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh An Giang triển khai thực hiện Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh An Giang;

- Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh An Giang triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026;

- Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 08/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Giồng Riềng triển khai thực hiện Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 28/8/2025 của UBND tỉnh An Giang về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết

số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu của chuyển đổi số, người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng những thành quả do chuyển đổi số mang lại.

- Tập trung nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng, triển khai các nền tảng số, dữ liệu mở, cơ sở dữ liệu dùng chung tạo nền tảng triển khai chuyển đổi số đảm bảo an toàn thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Các chỉ tiêu, mục tiêu kế hoạch đặt ra phải thiết thực, bám sát thực tiễn, điều kiện thực tế, có tính đột phá; các mục tiêu cần rõ ràng, định lượng, có tính khả thi, rõ phương pháp đánh giá, đo lường kết quả.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

Tập trung thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tại Phụ lục III kèm theo.

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

Tập trung chỉ đạo thực hiện ứng dụng các phần mềm, các hệ thống trong chuyển đổi số vào hoạt động của từng lĩnh vực, từng cơ quan, đơn vị.

a) Xây dựng Kế hoạch kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi trên địa bàn xã và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát theo Kế hoạch đã được ban hành. Tăng cường trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai chuyển đổi số.

b) Thường xuyên theo dõi, chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện tiến độ các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và có sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả để tiếp tục đề ra phương hướng, giải pháp triển khai hiệu quả, thực chất.

c) Đẩy mạnh phong trào thi đua thực hiện chuyển đổi số, nhất là việc cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong các cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức; kịp thời động viên, khen thưởng các sáng kiến hay, cách làm mới, những tấm gương điển hình tiên tiến. Thực hiện đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo quy định, trong đó có căn cứ trên kết quả thực hiện chuyển đổi số, đặc

biệt là việc thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trên môi trường điện tử theo Quyết định 766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2. Hạ tầng số

a) Ứng dụng hạ tầng số dùng chung, cơ sở dữ liệu tập trung của tỉnh; tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

b) Phối hợp thực hiện kết nối Internet cáp quang đến tận hộ gia đình, đặc biệt ở các ấp hạ tầng kết nối Internet còn ít.

c) Duy trì hoạt động hệ thống mạng Internet tại các cơ quan, đơn vị, các ấp trên địa bàn xã; từng bước phủ sóng hệ thống mạng Internet tại nơi công cộng; vận động khuyến khích người dân đăng ký gắn mạng Internet tại hộ gia đình.

d) Khuyến khích các doanh nghiệp thí điểm và nhân rộng việc xây dựng và phát triển mạng 5G tại xã.

đ) Phối hợp triển khai hướng dẫn cấp chữ ký số, chữ ký điện tử cho người dân để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, đảm bảo giá trị pháp lý của các tài liệu, giấy tờ đã được số hóa (như sổ sức khỏe điện tử, học bạ số,...).

3. Nhân lực số

a) Đảm bảo có nhân lực chuyên môn công nghệ thông tin tại cơ quan chuyên môn theo vị trí việc làm; tiếp tục cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số nói chung, chính quyền số, kinh tế số, an toàn thông tin.

b) Sử dụng dữ liệu hỗ trợ ra quyết định, xây dựng chính sách, công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo; về ATTT; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ chuyên trách chuyển đổi số, cán bộ phụ trách an toàn thông tin,...

c) Tiếp tục phối hợp triển khai các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho người dân, cộng đồng, doanh nghiệp để khai thác sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số do chính quyền, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp.

d) Kịp thời củng cố, kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng ở các ấp, phân công rõ nhiệm vụ cho các thành viên trong Tổ.

đ) Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên, giáo viên, nhân lực trẻ tham gia hỗ trợ chuyển đổi số tại cơ sở. Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức đề xuất sáng kiến, giải pháp chuyển đổi số tại địa phương.

e) Triển khai sử dụng phần mềm quản lý khám, chữa bệnh tại Trạm Y tế xã. Thực hiện lập, quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân trên địa bàn. Triển khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt; hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến lĩnh vực y tế.

4. Phát triển dữ liệu số

a) Phát triển cơ sở dữ liệu: Sử dụng kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; sử dụng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, tránh trùng

lập, trong đó ưu tiên các lĩnh vực trọng điểm, thế mạnh của xã về nông nghiệp, giáo dục, y tế,... thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với các sở, ngành, địa phương.

b) Sử dụng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong nội bộ; kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Quốc gia (NDXP) để liên thông dữ liệu với các hệ thống thông tin do sở, ngành, Trung ương triển khai và chia sẻ, khai thác dữ liệu quốc gia.

c) Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và tái sử dụng dữ liệu số hóa trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

d) Cập nhật kịp thời danh mục cơ sở dữ liệu của tỉnh đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế (bao gồm các nội dung: Tên cơ sở dữ liệu; mục đích, phạm vi, nội dung của từng cơ sở dữ liệu; cơ chế thu thập, cập nhật, nguồn dữ liệu được thu thập của từng cơ sở dữ liệu; liệt kê các hạng mục dữ liệu bao gồm dữ liệu mở và dữ liệu được chia sẻ).

6. An toàn thông tin mạng

a) Triển khai nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin.

b) Duy trì và nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình “4 lớp”, bảo vệ và kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát của tỉnh, phấn đấu đảm bảo mục tiêu 100% hệ thống thông tin của cơ quan được bảo đảm an toàn thông tin, thực chất, toàn diện.

c) Hoàn thiện quy trình, phương án, giải pháp ứng cứu sự cố, sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin khi gặp sự cố.

d) Phối hợp cơ quan chức năng của tỉnh mở lớp bồi dưỡng về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức xã.

6. Chính quyền số

6.1. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến

a) Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phấn đấu 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình; 80% hồ sơ được xử lý trực tuyến toàn trình.

b) Thực hiện rà soát, cập nhật, nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của xã đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, nâng cao chất lượng cung cấp DVC trực tuyến.

c) Triển khai các giải pháp để định danh và xác thực người dùng dịch vụ công trực tuyến thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID.

6.2. Triển khai quản trị số để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số

a) Phát triển các nền tảng, ứng dụng, dữ liệu số các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của địa phương để đưa các hoạt động chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội lên môi trường số, hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo dựa trên dữ liệu, trực tuyến. Bao gồm các lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số theo chương trình chuyển đổi số quốc gia, của tỉnh, của xã như: y tế, giáo dục, tài chính - ngân hàng, nông nghiệp, lao động việc làm, an sinh xã hội, hộ kinh doanh, doanh nghiệp, quản lý di sản, văn hóa,...

b) Phát triển, hoàn thiện các hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống theo dõi nhiệm vụ; hệ thống thông tin phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành của địa phương, kết nối, tích hợp với các hệ thống do Văn phòng UBND tỉnh triển khai để phục vụ hoạt động quản lý, điều hành của lãnh đạo tỉnh, các sở, ngành.

c) Triển khai sử dụng các nền tảng, hệ thống, phần mềm theo dõi, quản lý giám sát, đo lường việc triển khai các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án trong các ngành, lĩnh vực hỗ trợ nâng cao hiệu quả quản lý, thực thi công vụ cho cán bộ, công chức.

6.3. Triển khai, tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo trong quản lý, điều hành, hỗ trợ hoạt động của cán bộ, công chức

Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

6.4. Triển khai sử dụng Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu cung cấp khả năng tổng hợp dữ liệu từ nhiều nguồn, chuẩn hóa dữ liệu, lưu trữ tập trung hình thành kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; phân tích, xử lý dữ liệu theo nhu cầu; trình diễn dữ liệu theo nhiều chiều từ đó làm công cụ giúp sử dụng, khai thác dữ liệu số một cách có hiệu quả phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh của xã và phục vụ lợi ích của người dân; tăng cường quản lý công, nâng cao hiệu lực quản trị, hiệu quả điều hành của địa phương; thực hiện chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước trực tuyến, dựa trên dữ liệu; nâng cao tương tác giữa chính quyền và người dân, doanh nghiệp.

7. Kinh tế số và xã hội số

7.1. Kinh tế số

a) Phát triển doanh nghiệp công nghệ số, đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong doanh nghiệp, tạo điều kiện thu hút doanh nghiệp công nghệ thông tin đầu tư, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghệ số; hỗ trợ các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

b) Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực thương mại điện tử: Chuyển đổi mô hình hoạt động của các cửa hàng bán lẻ, cửa hàng tạp hoá và chợ truyền thống; xây dựng mô hình quản lý rủi ro đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh thương mại điện tử, livestream bán hàng; đẩy mạnh áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để xử lý dữ liệu lớn, đưa ra các cảnh báo đối với trường hợp có rủi ro về thuế; triển khai triệt để

giải pháp hoá đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đối với dịch vụ ăn uống, chống thất thu thuế, thất thu ngân sách; ưu tiên phát triển và thúc đẩy sử dụng nền tảng chuyển đổi số lĩnh vực bán buôn, bán lẻ.

c) Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực nông nghiệp: Phát triển kinh tế số lĩnh vực nông nghiệp chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế; triển khai ứng dụng các giải pháp công nghệ trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản mang lại năng suất và giá trị kinh tế cao; tăng cường kết nối ứng dụng công nghệ số giữa các hợp tác xã với vùng trồng nông nghiệp, cơ sở sản xuất chế biến và các kênh số tiêu thụ nông sản hình thành chuỗi sản xuất nông nghiệp số toàn trình từ khâu sản xuất đến phân phối, tiêu thụ sản phẩm; hình thành chuỗi cung ứng nông nghiệp và truy xuất nguồn gốc nông sản toàn trình từ lúc nuôi trồng cho đến khi tới tay người tiêu dùng; tổ chức thực hiện việc xây dựng các bộ dữ liệu ngành nông nghiệp và các kịch bản sử dụng dữ liệu.

d) Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực văn hóa, du lịch: Phát triển kinh tế số du lịch theo hướng ứng dụng công nghệ nhằm tối ưu hóa hoạt động quản trị, vận hành, khai thác, kinh doanh của các cơ sở lưu trú, các khu vui chơi, giải trí; tổ chức thực hiện việc thu thập, số hóa, hình thành kho dữ liệu và thư viện số cho văn hóa, nghệ thuật của dân tộc, các di sản văn hóa,...

7.2. Xã hội số

a) Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp: phổ cập định danh số; thanh toán điện tử; hóa đơn điện tử; chữ ký số và chứng thực chữ ký số,... trong các ngành, lĩnh vực của đời sống, các hoạt động kinh tế - xã hội.

b) Tiếp tục thực hiện kết nối Internet cáp quang đến tận hộ gia đình, đặc biệt ở khu vực nông thôn.

c) Phát triển trường học số: thực hiện chuyển đổi số trong trường học các cấp thuộc phạm vi quản lý.

d) Phát triển bệnh viện số: thực hiện từng bước chuyển đổi số toàn diện trong các trạm y tế thuộc phạm vi quản lý.

đ) Phối với Ủy ban MTTQ và các đoàn thể trong triển khai, hướng dẫn thực hiện chuyển đổi số trong nhân dân trên địa bàn.

8. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

a) Triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026 trên địa bàn xã; tổ chức chuỗi sự kiện Chuyển đổi số xã năm 2026, trên cơ sở hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ và điều kiện thực tế của xã, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với mục đích, ý nghĩa, chủ đề của Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026.

b) Phát động phong trào thi đua Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước

trên địa bàn xã nhằm đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

c) Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp với nội dung, hình thức triển khai đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế (cuộc thi, video, poster, tài liệu tuyên truyền; kênh truyền thông trực tuyến trên các phương tiện, nền tảng số, kênh truyền thông trực tiếp; lồng ghép với các hoạt động của các ngành, lĩnh vực...) để tuyên truyền, truyền thông các chủ trương, định hướng chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của địa phương; vai trò, lợi ích của chuyển đổi số đối với người dân, doanh nghiệp; sử dụng dịch vụ công trực tuyến; tuyên truyền, phòng chống lừa đảo trực tuyến, bảo vệ thông tin cá nhân,...

d) Gắn kết cải cách hành chính với chuyển đổi số;... để các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp nâng cao nhận thức, tích cực tham gia, đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp.

đ) Phối hợp triển khai các hoạt động kiểm tra, giám sát, đo lường bằng các công cụ, phương tiện trực tuyến; kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ cho hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý. Rà soát danh sách các website (.gov.vn) bao gồm cả các sub domain để tiến hành đánh giá an toàn thông tin định kỳ và triển khai gán nhãn tín nhiệm mạng cho các website; rà soát, cảnh báo an toàn thông tin mạng, lộ lọt thông tin cá nhân.

(Chi tiết nhiệm vụ, giải pháp tại Phụ lục IV kèm theo)

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh bổ sung và ngân sách xã cân đối.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân xã chủ trì, phối hợp các phòng, cơ quan chuyên môn tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

b) Kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện hiệu quả Kế hoạch.

c) Định kỳ, đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân xã, Sở Khoa học và Công nghệ về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số trên địa bàn xã.

d) Chủ trì phối hợp các phòng, cơ quan chuyên môn triển khai và thực hiện đúng theo lộ trình Kế hoạch đề ra, đảm bảo các nhiệm vụ không chồng chéo, trùng lặp khi triển khai thực hiện.

đ) Tiếp tục phối hợp triển khai thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ

thống thông tin dùng chung của tỉnh, các hệ thống thông tin của các ngành trong nội bộ tỉnh qua nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu tỉnh (LGSP); kết nối các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, của nội bộ các phòng, cơ quan chuyên môn với các hệ thống thông tin của sở, ngành, các cơ sở dữ liệu quốc gia qua nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu tỉnh (LGSP).

e) Triển khai công tác tuyên truyền, bồi dưỡng, tập huấn cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước về Chuyển đổi số, xây dựng Chính quyền số.

f) Theo dõi, đôn đốc các phòng, cơ quan chuyên môn trong việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số phục vụ Cải cách hành chính trên địa bàn xã.

g) Phối hợp Phòng Kinh tế bố trí nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức về Chuyển đổi số; ưu tiên bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch sau khi phê duyệt.

h) Xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực CNTT, chuyển đổi số trong hệ thống ngành giáo dục trên địa bàn xã, nhằm đáp ứng quá trình ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và phổ cập kiến thức CNTT, kỹ năng số, dịch vụ công trực tuyến trong các trường phổ thông.

i) Triển khai chương trình ứng dụng CNTT, chuyển đổi số vào công tác giảng dạy và học tập trong các trường phổ thông.

j) Đẩy mạnh thực hiện việc dạy và học trực tuyến tại các cấp học trên địa bàn xã; triển khai giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục, trường học.

k) Đẩy mạnh việc triển khai và thực hiện có hiệu quả các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở y tế trên địa bàn xã nhất là thanh toán viện phí.

2. Trung tâm Phục vụ Hành chính công

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân xã triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính; rà soát, đánh giá thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu xây dựng dịch vụ công trực tuyến theo các mức độ, chuẩn hóa danh mục dịch vụ công trực tuyến.

b) Chủ trì, phối hợp các phòng, cơ quan chuyên môn trong việc chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính; cung cấp, công khai các thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của xã đảm bảo đồng bộ với cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính.

3. Phòng Kinh tế

a) Phối hợp với Phòng Văn hóa-Xã hội tham mưu Ủy ban nhân dân xã bố trí kinh phí đảm bảo hoàn thành các danh mục nhiệm vụ được phê duyệt tại Kế hoạch này trong khả năng cân đối ngân sách nhà nước, đúng quy định của Luật Ngân

sách nhà nước, các quy định có liên quan; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng kinh phí chi cho chuyển đổi số đúng quy định hiện hành.

4. Công an xã

a) Chủ trì, phối hợp với các phòng, cơ quan chuyên môn có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân xã triển khai các nhiệm vụ về đảm bảo an ninh, an toàn thông tin mạng trên địa bàn xã.

b) Tham mưu tổ chức các lớp bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số trên địa bàn xã Giồng Riềng năm 2026, trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo về Phòng Văn hóa-Xã hội để tổng hợp, tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ (b/c);
- TT. Đảng ủy (b/c);
- TT. HĐND xã (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND xã;
- Các phòng, cơ quan chuyên môn;
- Trung tâm PVHCC;
- Lãnh đạo Phòng VHXX;
- Lưu.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Quốc Cần